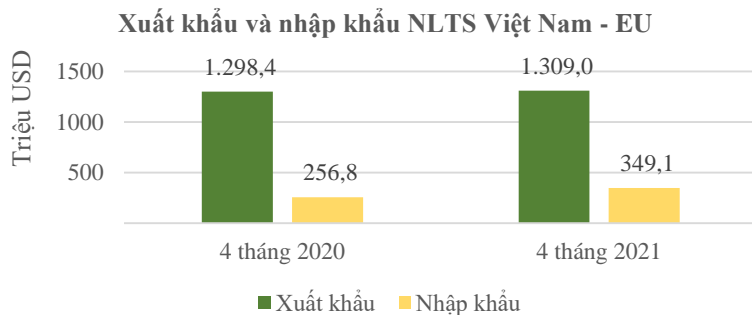


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



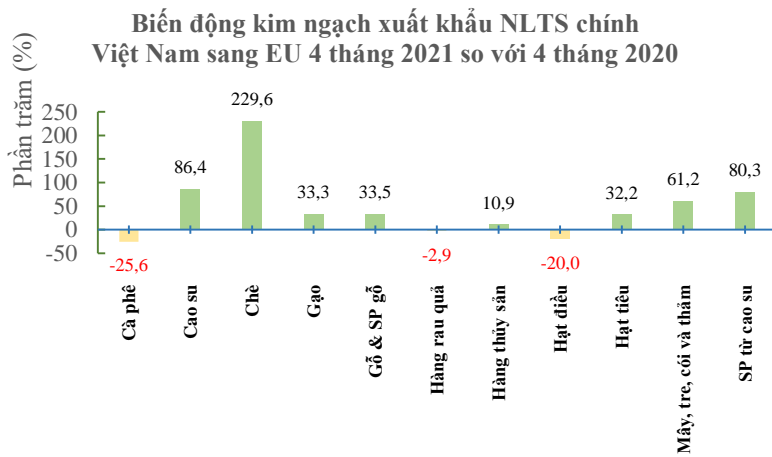
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

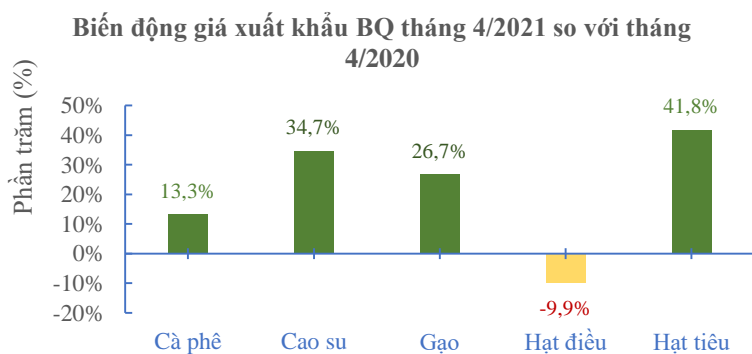
(4 tháng 2020 và 4 tháng 2021)

Xuất khẩu ▲ 0,8%
Nhập khẩu ▲ 36,0%



So sánh 4 tháng 2021 với 4 tháng 2020

Cà phê ▼ 25,6%
Cao su ▲ 86,4%
Chè ▲ 229,6%
Gạo ▲ 33,3%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 33,5%
Rau quả ▼ 2,9%
Thủy sản ▲ 10,9%
Hạt điều ▼ 20,0%
Hạt tiêu ▲ 32,2%
Mây tre đan ▲ 61,2%
SP từ cao su ▲ 80,3%



So sánh giá xuất khẩu tháng 4/2021 với tháng 4/2020

Cà phê ▲ 13,3%
Cao su ▲ 34,7%
Gạo ▲ 26,7%
Hạt điều ▼ 9,9%
Hạt tiêu ▲ 41,8%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Trong tháng 5/2021, Ủy ban châu Âu (EC) đưa ra các dự báo kinh tế mới nhất, nhận định rằng vào cuối năm 2021, tăng trưởng GDP của khu vực Eurozone có thể đạt 4,3% và trở lại mức như trước khi xảy ra đại dịch. Theo báo cáo của EC, lộ trình thoát khỏi cuộc khủng hoảng ở khu vực này đang có nhiều dấu hiệu tích cực. GDP đã giảm tới 6,6% trong năm 2020 và tiếp tục giảm trong quý đầu tiên năm nay. Dù vậy, tăng trưởng GDP của khu vực dự kiến sẽ phục hồi ở mức 4,3%. Trong vài tháng gần đây, EC nhận thấy sự phục hồi kinh tế của khu vực đỡ bi quan hơn dù dịch bệnh còn diễn biến phức tạp do sự lây lan rất nhanh của các biến thể mới. EC dự báo tăng trưởng GDP của Liên hiệp châu Âu có thể đạt 4,2% trong năm nay, rồi tăng lên 4,4% vào năm 2022. Trước đó, tháng 2-2021, các chuyên gia của EC khó dự báo được mức tăng trưởng cho hai năm 2021 và 2022 và cho rằng, có thể ở mức thấp hơn so dự báo vừa đưa ra. Tình hình đang có nhiều dấu hiệu tích cực do chiến dịch tiêm chủng được tăng tốc. Hiện đã có hơn 27,7% dân số của khu vực đã được tiêm liều vaccine đầu tiên, giúp các nước thành viên dỡ bỏ dần các hạn chế và tạo động lực cho các hoạt động kinh tế.

EC cho rằng triển vọng tăng trưởng GDP của khu là khả quan. Tiêu dùng nội khối được thúc đẩy từ các khoản tiết kiệm trong thời gian có dịch. Sức tiêu dùng ngoài khu vực cũng sẽ gia tăng, nhất là từ Mỹ vì gói kích cầu lên tới 1.900 tỷ USD có thể mang lại mức tăng trưởng 0,3% cho châu Âu trong năm 2021 và khoảng 0,2% vào năm 2022. EC dự tính đầu tư công tính theo phần trăm GDP vào năm 2022 có thể đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Đó là do kế hoạch phục hồi 750 tỷ euro của châu Âu, gồm 390 tỷ euro cứu trợ và 360 tỷ euro cho vay. Dự kiến quốc hội của 27 nước thành viên EU sẽ thông qua việc giải ngân để triển khai triển khai từ tháng 7. Với những điều kiện như vậy, GDP của EU dự kiến phục hồi vào cuối năm 2021 và vào đầu năm 2022 đối với khu vực sử dụng đồng euro gồm 19 nước, tới mức của năm 2019. Nếu tình hình đúng như dự báo mới nhất, sự phục hồi kinh tế của khu vực sẽ diễn ra sớm hơn 6 tháng so với dự báo đưa ra trong tháng 2 vừa qua.

Cuộc khủng hoảng dịch bệnh đã ảnh hưởng nặng nề đến một số ngành kinh tế, nhất là du lịch. Dù vậy, mức độ và thời điểm bị ảnh hưởng ở mỗi nước khác nhau. Các nước bắc và đông Âu như Phần Lan, Thụy Điển hay Slovakia có hồi phục nhanh hơn, tức là vào quý 2-2021. Đức có thể lấy lại đà tăng trưởng GDP vào cuối năm. Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Italy có thể hồi phục vào cuối năm nay. Còn Pháp có thể

phải chờ đến quý 1-2022 mới thoát khỏi suy thoái. Đối với thị trường lao động, EC cho rằng cần nhiều thời gian hơn. Các nước trong khu vực đã gia tăng các gói hỗ trợ nhằm ngăn chặn sự gia tăng của tỷ lệ thất nghiệp. Thị trường lao động bắt đầu hồi phục, tuy nhiên các doanh nghiệp cần thêm thời gian để chấm dứt tình trạng làm việc từ xa và tuyển dụng lại. Trong bối cảnh đó, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực sử dụng đồng euro dự kiến ở mức 8,4% trong năm 2021, rồi giảm xuống còn 7,8% vào năm 2022, vẫn cao hơn mức trước khi xảy ra khủng hoảng dịch bệnh.

Cùng việc đưa ra dự báo về triển vọng tăng trưởng, EC cũng cho rằng khu vực vẫn phải đối mặt những rủi ro có thể làm giảm mức tăng trưởng GDP. Một phần là do sự phức tạp của các biến thể virus, dù có ít hơn mấy tháng trước. EC không loại trừ khả năng xảy ra hàng loạt vụ phá sản, gây tác động tiêu cực đến thị trường tài chính, đồng thời cảnh báo các quốc gia thành viên về nguy cơ giảm sự niềm tin của người dân đối với sự phục hồi kinh tế quá nhanh. Khi đó có thể xảy ra nguy cơ rơi vào "bẫy tăng trưởng". EC cũng dự báo thâm hụt công của Eurozone sẽ chiếm 8% trong năm nay và khoảng 4% trong năm tới. Chính vì vậy, một số nước trong khu vực muốn kéo dài thời gian đình chỉ Hiệp ước Ổn định và Tăng trưởng cho tới năm 2022.

Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam, trong 4 tháng 2021, Việt Nam đã xuất khẩu 1309,0 triệu USD sang EU, trong khi nhập khẩu 349,1 triệu USD, tăng 0,8% về xuất khẩu và 36,0% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2020. Trong 4 tháng 2021, về các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, cà phê, rau quả, và hạt điều có xu hướng giảm xuất khẩu với tốc độ -25,6%, -2,9%, và -20,0% trong khi cao su, chè, gạo, gỗ và sản phẩm từ gỗ, thủy sản, hạt tiêu, sản phẩm mây tre cói và thảm, sản phẩm từ cao su có xu hướng tăng với tốc độ 86,4%, 229,6%, 33,3%, 33,5%, 10,9%, 32,2%, 61,2%, và 80,3%.

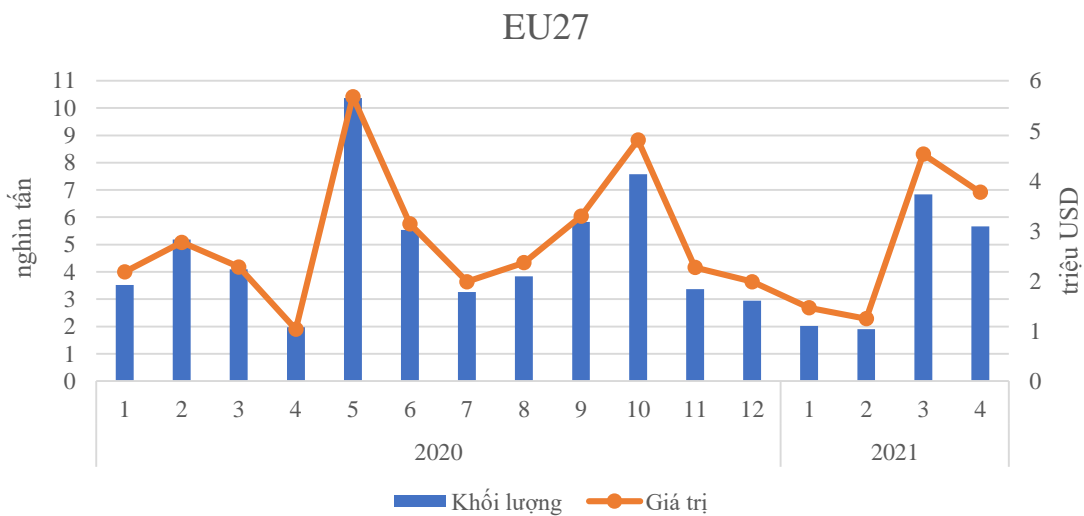
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 5/2021 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2021 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu năm 2021 của EU kỳ vọng sẽ đạt 2,45 triệu tấn, tăng 50 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 5,7 nghìn tấn gạo, trị giá 3,8 triệu USD sang thị trường EU, giảm 17,1% về khối lượng và 16,7% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 188,0% về khối lượng và 264,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 16,4 nghìn tấn, trị giá 11,0 triệu USD, tăng 11,3% về khối lượng và 33,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

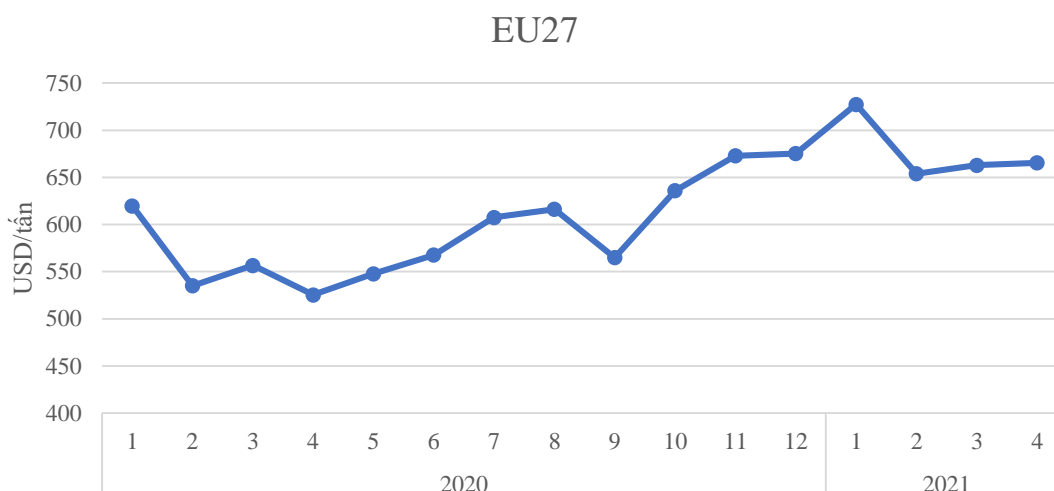
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 4/2021 đạt 665,5 USD/tấn, tăng 0,4% so với tháng trước và 26,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

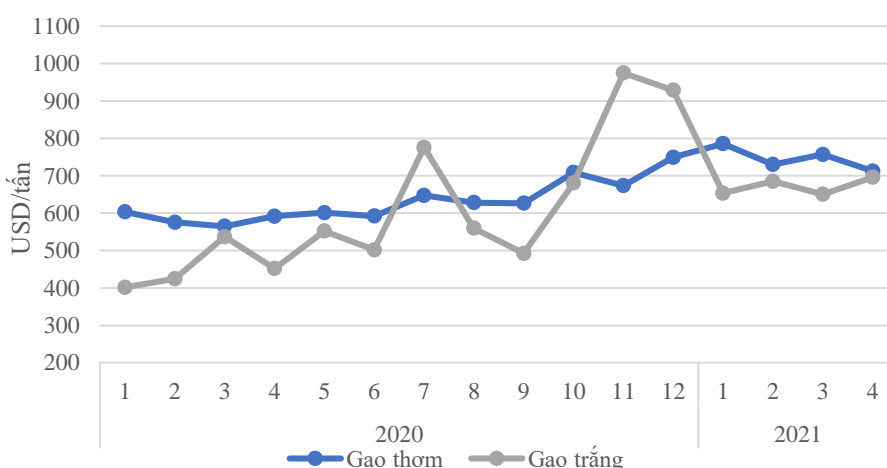


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 5,3 nghìn tấn, trị giá 3,5 triệu USD (chiếm 93,0% về khối lượng và 92,1% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng 235,7% về khối lượng và 311,7% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 4/2021 đạt trung bình 712,4 USD/tấn, giảm 5,9% so với tháng trước nhưng tăng 20,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo trắng đạt 695,8 USD/tấn, tăng 7,0% so với tháng trước và 53,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Hoàng Minh Nhật, và Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Long An. Ba công ty này lần lượt chiếm 36,4%, 9,0%, và 8,6% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng

4/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh tăng 1008,0%, Công ty CP Hoàng Minh Nhật tăng 1478,2%, còn Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Long An không xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 4/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 4/2021.

2. RAU QUẢ

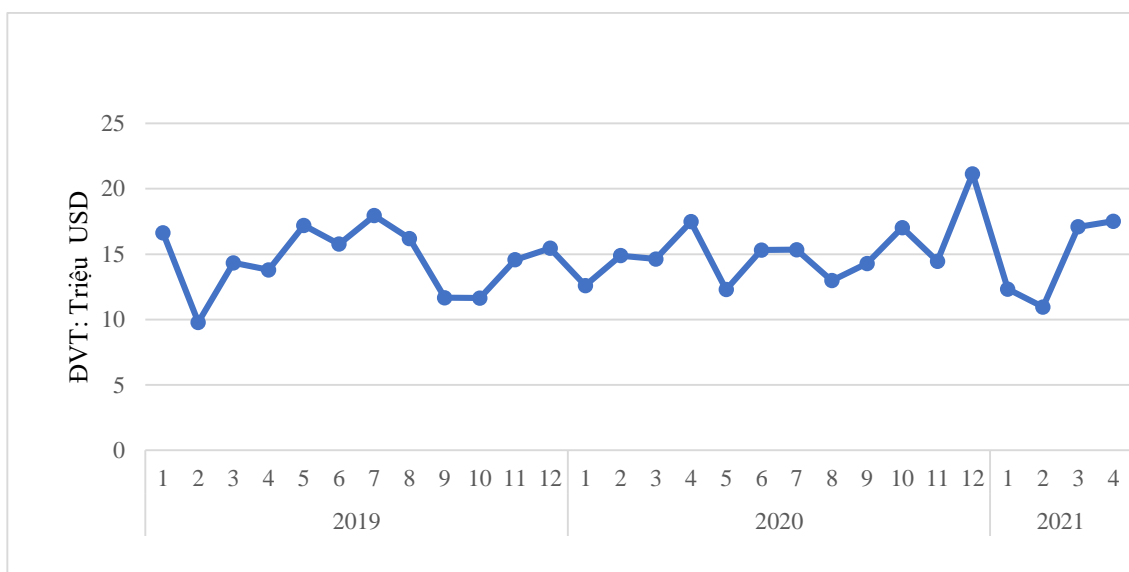
Theo một nghiên cứu mới đây, thỏa thuận thương mại EU-Mercosur sẽ làm trầm trọng thêm 'hiệu ứng boomerang' của thuốc trừ sâu bị cấm ở EU. EU đã xuất khẩu 7.000 tấn thuốc trừ sâu bị cấm ở châu Âu do lo ngại về môi trường và sức khỏe, sang khối Mercosur của các nước Nam Mỹ (Brazil, Argentina, Paraguay và Uruguay) trong năm 2018 và 2019. Nhưng dư lượng của những chất nguy hiểm này đã được tìm thấy trong các sản phẩm nông nghiệp mà EU nhập khẩu từ Mercosur, chẳng hạn như trái cây hoặc rau quả. Nghiên cứu cho thấy rằng 30% thuốc trừ sâu được phép sử dụng cho cây trồng ở Brazil (nhà xuất khẩu hàng đầu từ Mercosur) và 20% trong số những loại được phê duyệt ở Paraguay bị cấm ở EU. Trong giai đoạn 2019-2020, Brazil đã phê duyệt số lượng thuốc trừ sâu kỷ lục - bao gồm 37 loại bị cấm ở EU. Năm 2022, Pháp sẽ là nước đầu tiên trong EU áp dụng lệnh cấm xuất khẩu và vận chuyển thuốc trừ sâu bị cấm trong EU. Lệnh cấm cũng sẽ được áp dụng đối với việc nhập khẩu các loại thực phẩm được sản xuất bằng thuốc trừ sâu như vậy. Thụy Sĩ có lệnh cấm tương tự kể từ tháng 1 năm 2021. Trong chiến lược Farm to Fork của mình, Ủy ban Châu Âu đặt mục tiêu cắt giảm 50% việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học vào năm 2030. Một nhóm gồm 70 tổ chức phi chính phủ đã thúc giục Ủy ban châu Âu cấm xuất khẩu sang các nước thứ ba các loại thuốc trừ sâu bị cấm bên trong châu Âu - và ngừng nhập khẩu thực phẩm được sản xuất bằng thuốc trừ sâu như vậy từ bên ngoài khối vào năm 2035.

Theo Guojiguoshu.com, vào ngày 26 tháng 5 năm 2021, Hiệp hội Sản xuất hàng nông sản tươi sống Châu Âu (Freshfel) đã gửi một bức thư ngỏ đến các thành viên của Nghị viện Châu Âu, về việc Nga đã cấm trái cây và rau quả tươi từ EU trong năm thứ bảy liên tiếp, điều này đã gây ra tác động liên tục đến ngành công nghiệp này. Freshfel kêu gọi các thành viên tiếp tục hỗ trợ các nhà kinh doanh rau quả, nỗ lực phát triển thị trường xuất khẩu đa dạng và tăng cường tiêu thụ rau quả tại thị trường EU để bù đắp thiệt hại do lệnh cấm vận của Nga. Bởi Nga vốn là thị trường xuất khẩu chủ yếu của rau quả tươi Châu Âu; năm 2014, Nga bắt đầu áp đặt lệnh cấm vận đối với rau quả của Châu Âu, gây áp lực mạnh lên người trồng và nhà xuất khẩu.

Tính đến nay, việc cấm vận của Nga đã gây thiệt hại 5 tỷ Euro cho ngành nông nghiệp, trong đó ngành rau quả chiếm đến 2,5 tỷ Euro.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 4 năm 2021 đạt 17,5 triệu USD, chiếm 4,3% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung bốn tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 57,9 triệu USD, chiếm 4,2% thị phần và giảm 2,9% so với cùng kỳ năm 2020.

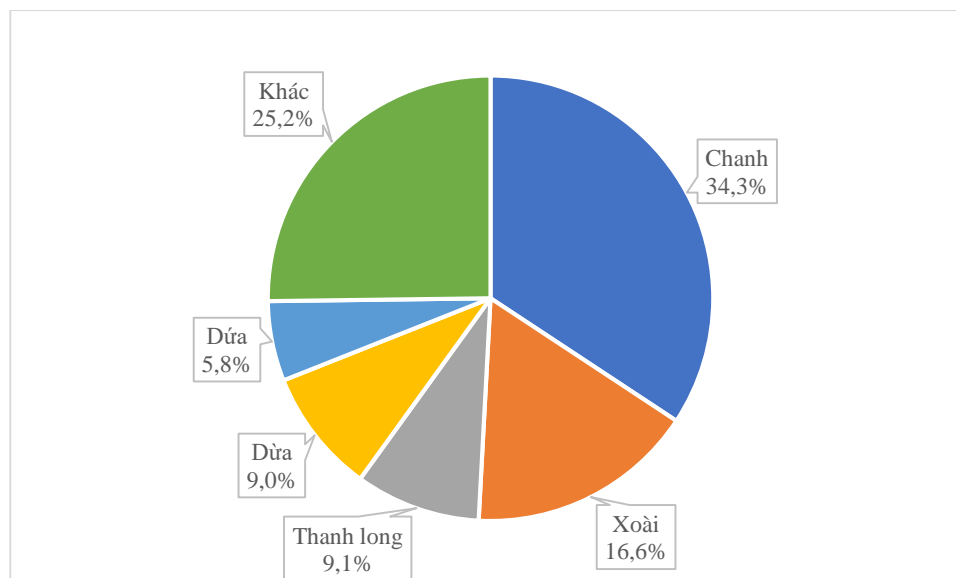
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 4 năm 2021 chủ yếu là trái cây (đạt 14,8 triệu USD, chiếm 84,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 58,7% (so cùng kỳ 2020 là 50,9%), trái cây chế biến chiếm 25,9% (cùng kỳ 2020 là 36,8%). Mặt hàng rau đạt 2,7 triệu USD (chiếm 15,5%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 13,2% (năm 2020 là 9,5%), rau chế biến chiếm 2,3% (năm 2020 là 2,8%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 4/2021 bao gồm chanh đạt 6,0 triệu USD (chiếm 34,3% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2020); xoài đạt 2,9 triệu USD (chiếm 16,6%, tăng 101,2%); thanh long đạt 1,6 triệu USD (chiếm 9,1%, tăng 91,2%); dứa đạt 1,6 triệu USD (chiếm 9,0%, tăng 131,7%); dưa đạt 1,0 triệu USD (chiếm 5,8%, tăng 8,3%); ...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 4/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, rau quả chế biến đạt 4,9 triệu USD (chiếm 28,2% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 28,2% so với cùng kỳ 2020 (đạt 6,9 triệu USD). Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 51,4% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, giảm 46,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 31,5%, giảm 6,0%; ...

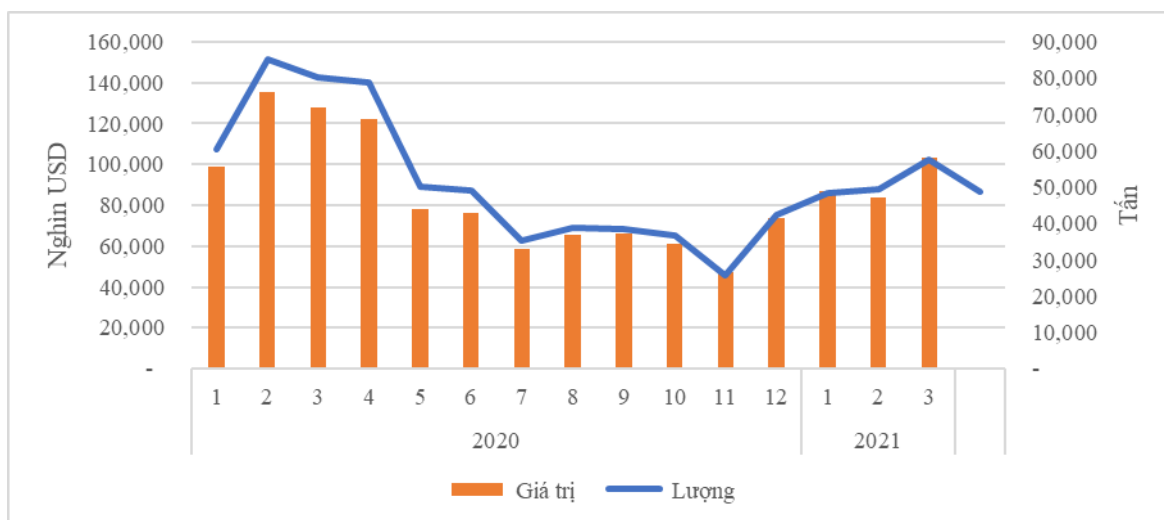
Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 4 năm 2021 đạt 2,2 triệu USD, chiếm 2,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung bốn tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 12,8 triệu USD, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 4/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 1,3 triệu USD (chiếm 58,7%, tăng 37,8% so với cùng kỳ năm 2020); táo đạt 131,5 nghìn USD (chiếm 6,0%, giảm 72,8%); ...

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Hoàng Lâm Đồng, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ và Công ty CP Rau quả thực phẩm An Giang với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 7,7%; 6,9% và 4,7%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Hoàng Lâm Đồng tăng 173,5%, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ tăng 7,9% và Công ty CP Rau quả thực phẩm An Giang tăng 53,3%.

3. CÀ PHÊ

EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 40% giá trị xuất khẩu. Trong tháng 4/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU đạt 48,5 nghìn tấn, trị giá 85,83 triệu USD, giảm 15% về lượng và 16,7% về giá trị so với tháng 3/2021 và giảm 37,9% về lượng và 29,7% về giá trị so với cùng kỳ tháng 4/2020.

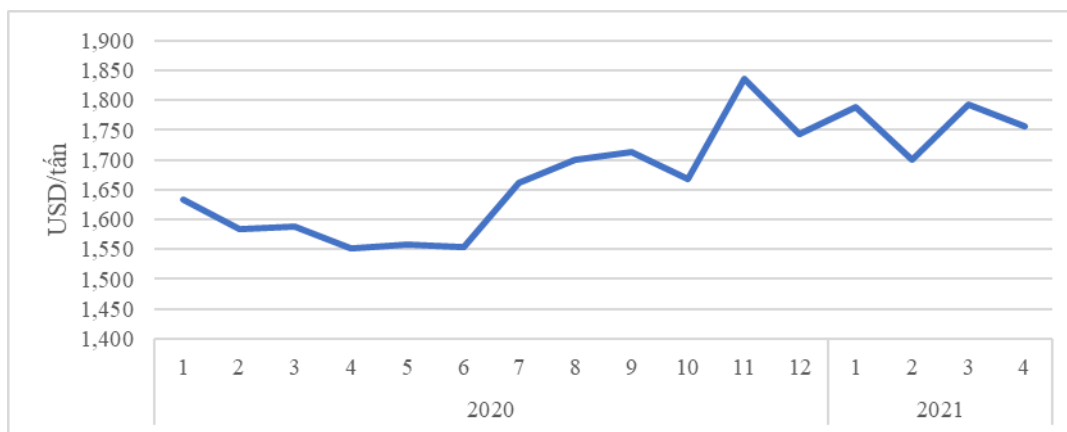
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cà phê Robusta tại London trong tháng tăng do tình trạng thiếu container và chi phí vận tải tăng cao, cùng với việc lo ngại nguồn cung giảm do Brazil giảm sản lượng. Giá xuất khẩu tháng 4 thị trường EU là 1756 USD/tấn, giảm 1,99% so với tháng trước và tăng 13,28% so với cùng kỳ.

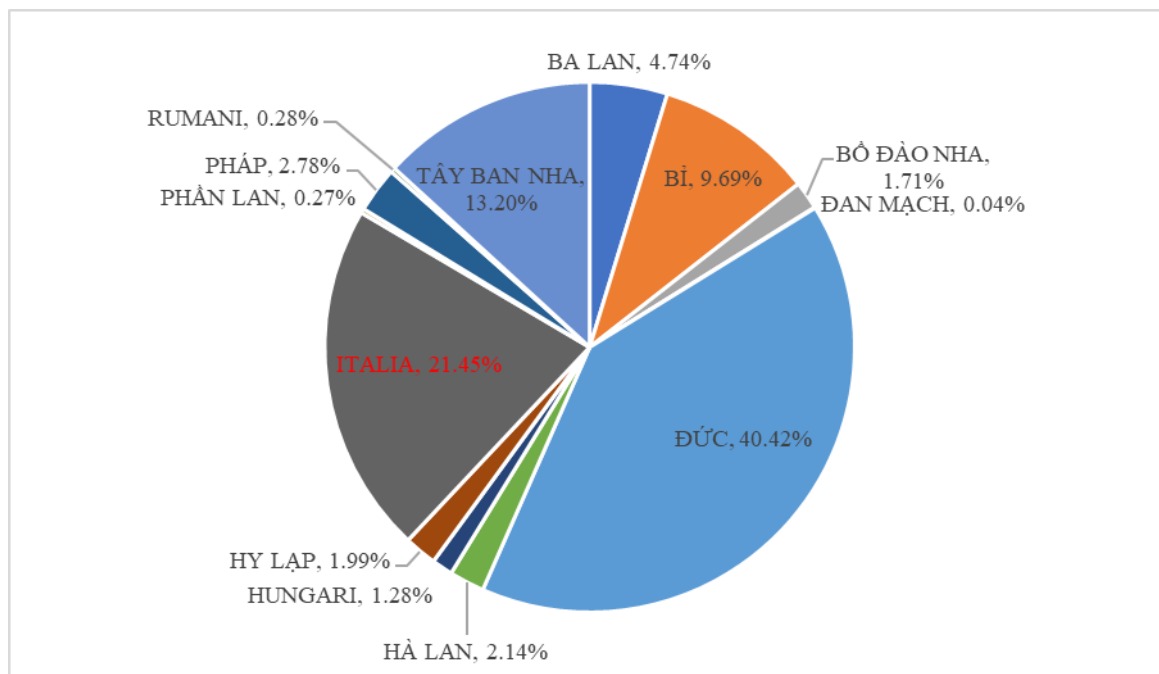
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất tại EU trong tháng 4/2020 lần lượt là Đức chiếm tỷ trọng 40,4% tổng giá trị xuất khẩu sang EU, Italia chiếm 21,45%, Tây Ban Nha chiếm 13,2%, Bỉ chiếm 9,7%, Ba Lan 4,74%, Pháp chiếm hơn 2,78%.

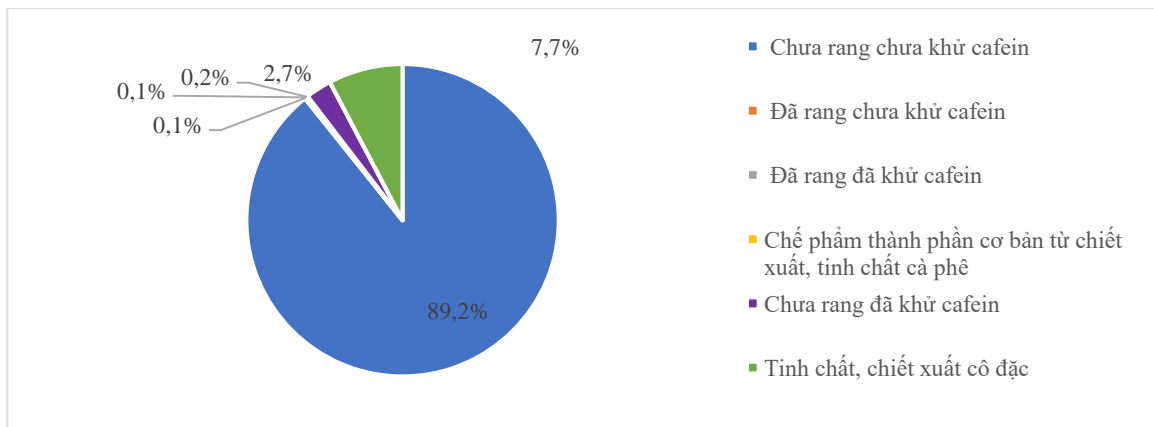
Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

So với tháng trước, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang các nước EU nhìn chung đều giảm ngoại trừ xuất khẩu sang Hungari tăng 161%. Các nước có kim ngạch xuất khẩu giảm là Đan Mạch (giảm 65%), Pháp (giảm 49%), Đức (giảm 21%), Tây Ban Nha (giảm 13%)...

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm 95,6% cà phê hòa tan chế biến, tinh chất chiếm 7,87%. Tỷ trọng cà phê nhân đã tăng 1,83% so với tháng trước và tăng 3,82% so với cùng kỳ cụ thể: cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) đạt 75 triệu USD, chiếm tỷ trọng 89,25%, giảm 33,21% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, đã khử caffein (mã HS 090112) chiếm tỷ trọng 0,06%, giảm 60% so với cùng kỳ. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê chưa rang, đã khử caffein chiếm tỷ trọng 2,69%, tăng 3,55% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc, chiếm tỷ trọng 7,72%, tăng 34,5% so với cùng kỳ.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là: Công ty cổ phần Tập đoàn Intimex, Công Ty TNHH Thương Phẩm ATLANTIC Việt Nam, Công Ty Cổ Phần Intimex Mỹ Phước với thị phần lần lượt là: 9,52%; 5,69% và 5,22%.

Trong bối cảnh số ca nhiễm giảm và tỷ lệ tiêm vaccine phòng Covid-19 gia tăng, nhiều nước châu Âu đã nới lỏng dần các biện pháp hạn chế và phong tỏa để ngăn ngừa dịch bệnh. Nghị viện châu Âu (EP) và các nước thành viên EU đã đạt được thỏa thuận về “Chứng nhận kỹ thuật số về Covid-19 của EU” tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho người dân EU, dự kiến có hiệu lực từ ngày 1-7 tới sau khi được EP thông qua. Chứng nhận được kỳ vọng sẽ trở thành “chìa khóa” để mở cửa nền kinh tế, nhất là ngành du lịch của EU. Theo báo cáo “Triển vọng kinh tế” công bố ngày 31/5, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) dự báo. khu vực đồng tiền chung châu Âu (EU) 4,3%, tăng 0,4% so với dự báo vào tháng 3. Tiêu thụ cà phê tại khu vực Châu Âu dự kiến sẽ tăng lên trong thời gian tới.

Tchibo -Nhà bán lẻ và rang xay cà phê của Đức mở rộng cơ sở phân phối Panattoni Park ở Chev, Cộng hòa Séc, để tăng cường chuỗi cung ứng châu Âu. từ 73.000m² lên 102.200m², biến cơ sở này trở thành cơ sở cho thuê kho hàng lớn thứ hai tại Cộng hòa Séc. Cơ sở mở rộng sẽ được sử dụng để lưu trữ, chọn và gửi hàng hóa đến người tiêu dùng cuối cùng ở bảy quốc gia châu Âu.

Việc mở rộng này là nâng cấp mới nhất cho cơ sở Chev của Tchibo sau khi chuỗi quán cà phê và rang xay cà phê của Đức đầu tư khoảng 60 triệu euro (72,4 triệu USD) để mở rộng địa điểm vào cuối năm 2016. Việc tăng cường năng lực phân phối tại châu Âu của Tchibo diễn ra sau khi công bố kế hoạch bắt đầu bán cà phê rang xay và cà phê nguyên hạt tại Hoa Kỳ vào tháng 9 năm 2020.

Tổ chức dịch vụ thực phẩm của Hà Lan Albron đã bày tỏ ý định mua lại chuỗi cà phê chuyên nghiệp Coffeecompany từ thương hiệu cà phê toàn cầu JDE Peets, dự kiến sẽ diễn ra vào tháng 7 năm 2021, có giới hạn về việc đóng trước. Được thành lập vào năm 1996, Coffeecompany có 31 chi nhánh tại các thành phố trên khắp Hà Lan với xưởng sản xuất của riêng mình đặt tại Amsterdam. JDE Peets mua lại công ty vào cuối năm 2011. Albron hiện có 700 địa điểm trên khắp châu Âu và đã có sự phát triển nhanh chóng kể từ năm 2016 với các khái niệm và thương hiệu đường phố của riêng mình như Anne & Max và Le Perron. Mục tiêu của công ty là cung cấp thực phẩm và đồ uống lành mạnh cho 250.000 khách vào năm 2025.

Starbucks đã công bố kế hoạch triển khai sáng kiến “Cup share” “chia sẻ cốc có thể tái sử dụng tại tất cả các cửa hàng của Anh, Pháp và Đức trong những tháng tới, trước khi triển khai trên khắp châu Âu, Trung Đông và châu Phi vào năm 2025. Người tiêu dùng sẽ được giảm giá 25-30p cho mỗi đồ uống mỗi khi sử dụng lại cốc - ưu đãi hiện tại đã được cung cấp. Sự ra mắt của Cup-Share ở Anh, Pháp và Đức trong năm nay sẽ được sử dụng để tinh chỉnh kế hoạch với phản hồi thu thập được trước khi ra mắt EMEA rộng lớn hơn, mà Starbucks đang hướng tới hoàn thành vào năm 2025. Ở một số khu vực địa lý, bao gồm cả Vương quốc Anh, Thụy Sĩ, Đức và Cộng hòa Séc, ưu đãi tái sử dụng sẽ kèm theo phụ phí 5p hoặc 5c cho mỗi cốc giấy. Phụ phí 5p lần đầu tiên được giới thiệu ở Anh vào năm 2018. Starbucks báo cáo rằng nó đã làm tăng 150% mức độ hấp thụ cốc có thể tái sử dụng, tuy nhiên, hơn 93% khách hàng đang sử dụng tùy chọn dùng một lần.

Một công ty kinh doanh cà phê xanh có tên Maverick Coffee Trading đã ra đời ở Hà Lan, tập trung vào các loại cà phê từ nhiều quốc gia và lục địa xuất xứ. Có trụ sở tại Woerden ở miền trung Hà Lan, Maverick được thành lập bởi Will Hobby, chuyên gia kinh doanh cà phê lâu năm và bản địa của Vương quốc Anh, doanh nghiệp sẽ tập trung vào các loại cà phê đặc sản và thông thường đồng thời thực hiện các biện pháp thúc đẩy sự bền vững và minh bạch của nguồn cung cấp. Thị trường mục tiêu là các nhà rang xay cỡ trung bình, những người rang từ 2.000 đến 20.000 tấn mỗi năm. Trong khi Hobby duy trì kết nối sâu rộng với Đông Phi, ban đầu doanh nghiệp sẽ tập trung vào cà phê từ Brazil, Colombia, Peru, Honduras, Nicaragua, Ethiopia, Rwanda, Indonesia và Ấn Độ.

Báo cáo của Peter W. Roberts và Chad về ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đối với hành vi thu mua cà phê đặc sản trong niên vụ thu hoạch 2019-2020 cho thấy đại dịch có tác động tiêu cực đến doanh số bán cà phê đặc sản và ảnh hưởng đáng kể đến thành phần của doanh số bán hàng, tổng lượng mua cà phê nhân thông qua 58 công ty đã giảm 0,6%. Doanh số bán cà phê đặc sản thông thường (những loại cà phê

đạt dưới 84 điểm theo quy trình thử nếm của SCA và được bán trong các thùng chứa) tăng trong khi doanh số bán cà phê đặc biệt ưa thích (những loại đạt 84 điểm trở lên và được bán trong các lô nhỏ hơn) giảm. Xét về số lượng hợp đồng từ năm này sang năm tiếp theo, tổng số giao dịch của 84+ loại cà phê giảm 20,4% trong khi giao dịch đối với các loại cà phê đạt 84 điểm tăng 17%. Điểm chất lượng trung bình cho các hợp đồng đó đã giảm 0,24 điểm từ 84,75 xuống 84,51. Báo cáo lưu ý mỗi lo ngại rằng những thay đổi như vậy có thể ảnh hưởng đến các nhà sản xuất, những người đã chuyển hướng nguồn lực để thu hút người mua trong thị trường cà phê đặc sản cao cấp hơn nhưng giờ đây có thể bị chao đảo khi ưu tiên mua hàng thay đổi.

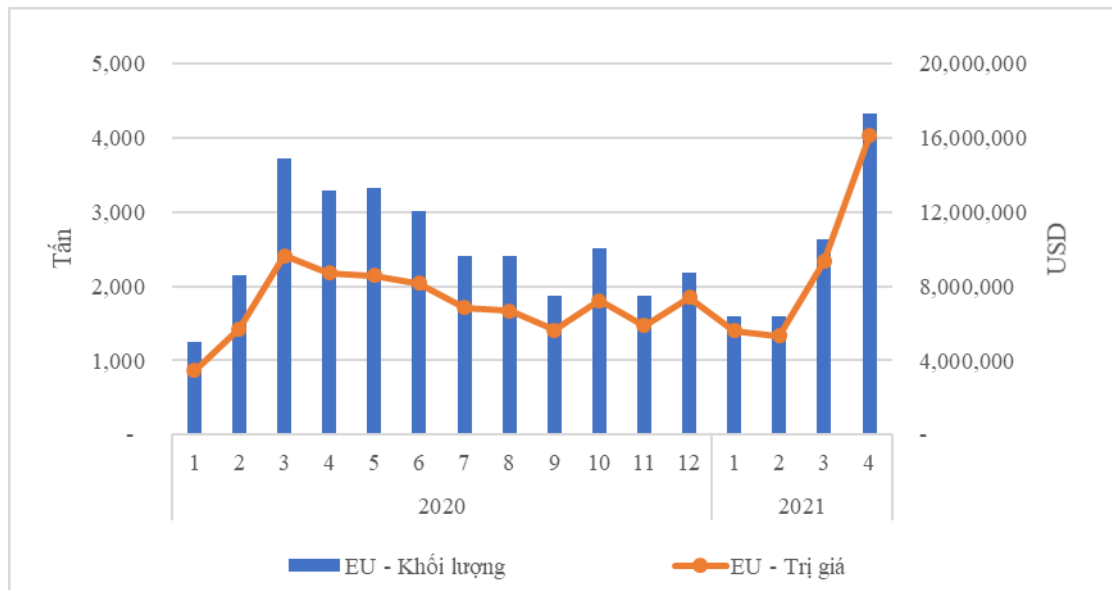
Theo luật mà Ủy ban châu Âu dự kiến sẽ đề xuất vào cuối năm nay, tất cả nguyên liệu nông nghiệp xuất khẩu sang 27 quốc gia thành viên sẽ phải chứng minh một hệ thống truy xuất nguồn gốc, chứng nhận, bảo vệ rừng và cho thấy họ đấu tranh chống lại sự nghèo đói của người sản xuất.

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, khối lượng xuất khẩu hồ tiêu trong quý 1 năm 2021 vào các quốc gia thuộc khối EU giảm, còn 5821 tấn so với mức 7118 trong quý 1 năm 2020 tuy nhiên, do giá xuất khẩu tăng cao nên kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng trưởng, đạt 20,2 triệu USD, tăng 7,59% so với cùng kỳ năm 2020 và bằng 24,12% tổng kim ngạch hồ tiêu của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này trong cả năm 2020. Tiêu đen chưa xay và tiêu trắng chưa xay vẫn là 2 loại sản phẩm được ưa chuộng nhất, chiếm lần lượt là 51,05% và 24,47% tổng kim ngạch hồ tiêu xuất vào thị trường này. Các sản phẩm tiêu đã xay cũng được ưa chuộng, tiêu đen đã xay chiếm 10,73% và tiêu trắng đã xay chiếm 13,44%. Trong quý 1/2021, toàn thị trường EU chiếm 14,71% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới và 17,61% trong năm 2020. Trong khối EU, chỉ có 8/27 quốc gia nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam là Đức, Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha, Ba Lan, Italia, Phần Lan và Bỉ, trong đó, Đức và Hà Lan là 2 quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này từ Việt Nam.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 4.327 tấn hồ tiêu với trị giá xấp xỉ 16,2 triệu USD, tăng 16,19% về khối lượng và tăng 67,38% về giá trị so với tháng 3/2021, tăng 31,56% về khối lượng và tăng 85,54% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

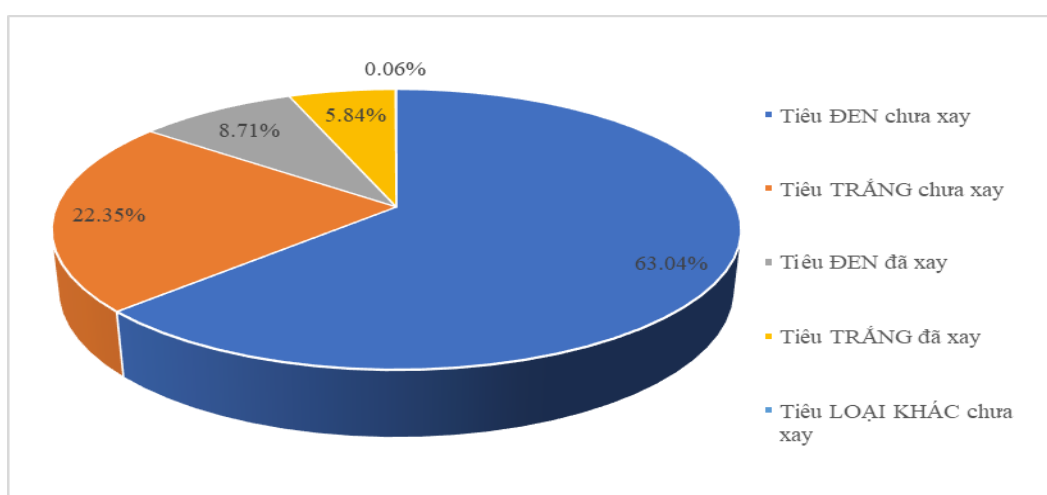
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 63,04% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, tăng 11,34% so với tháng trước và tăng 17,87% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 22,35% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, giảm 1,99% so với tháng trước và giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Tiêu đen và trắng chưa xay cũng như các sản phẩm phụ của tiêu như vỏ tiêu, tiêu lép... cũng được nhập khẩu vào thị trường này, chiếm 14,61%, nhưng đều giảm về khối lượng và giá trị so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Cơ cấu các loại hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường EU tháng 4/2021

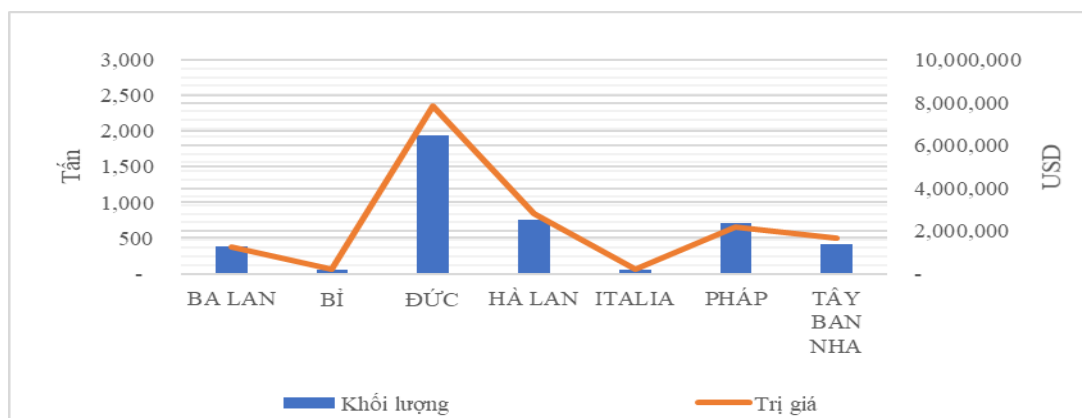


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong khối EU tháng 4/2021 là Đức với khối lượng 1944 tấn (chiếm 44,93% tổng khối lượng xuất

khẩu tiêu của Việt Nam vào EU), đạt trị giá hơn 7,8 triệu USD (chiếm 48,48% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU). Xếp sau là Hà Lan với 760 tấn (17,56%), đạt trên 2,8 triệu USD (17,43%) và Pháp với 716 tấn (16,55%), đạt xấp xỉ 2,2 triệu USD (13,45%). Bỉ và Italia có khối lượng nhập khẩu tiêu từ Việt Nam thấp nhất trong khối EU, cùng đạt 57 tấn song kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này vào Bỉ nhỉnh hơn so với Italia, lần lượt là 222 nghìn USD và 198 nghìn USD.

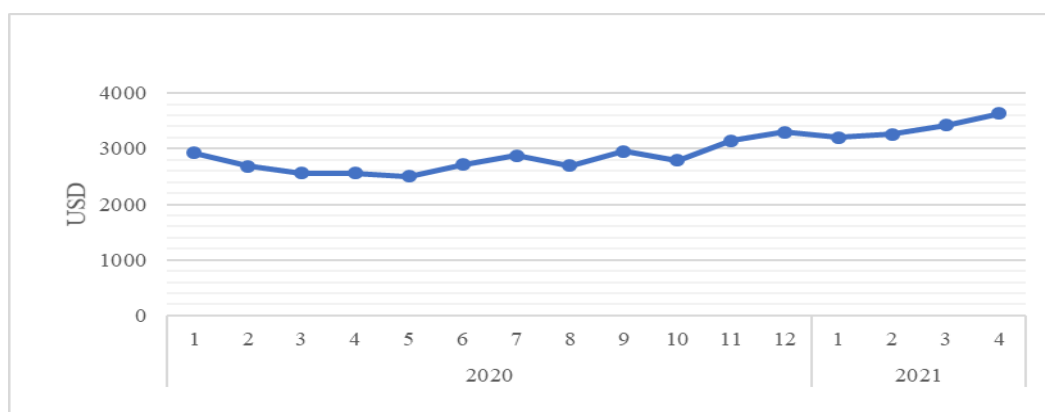
Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 4/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cùng với khối lượng và giá trị xuất khẩu, đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU cũng tăng liên tục kể từ tháng 1/2021. Giá xuất khẩu trung bình tháng 4/2021 đạt 3.634 usd/tấn, tăng 42,1% so với tháng 3/2021 và tăng 41,8% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, vẫn giữ vị trí số 1 trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU là Công ty CP Phúc Sinh, chiếm 16,16% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, tăng 465,5% so với tháng 3/2021 và tăng 202,3% so với cùng kỳ năm trước. Xếp sau là Công ty CP Sản xuất Dịch vụ XNK Hà Nội và Công

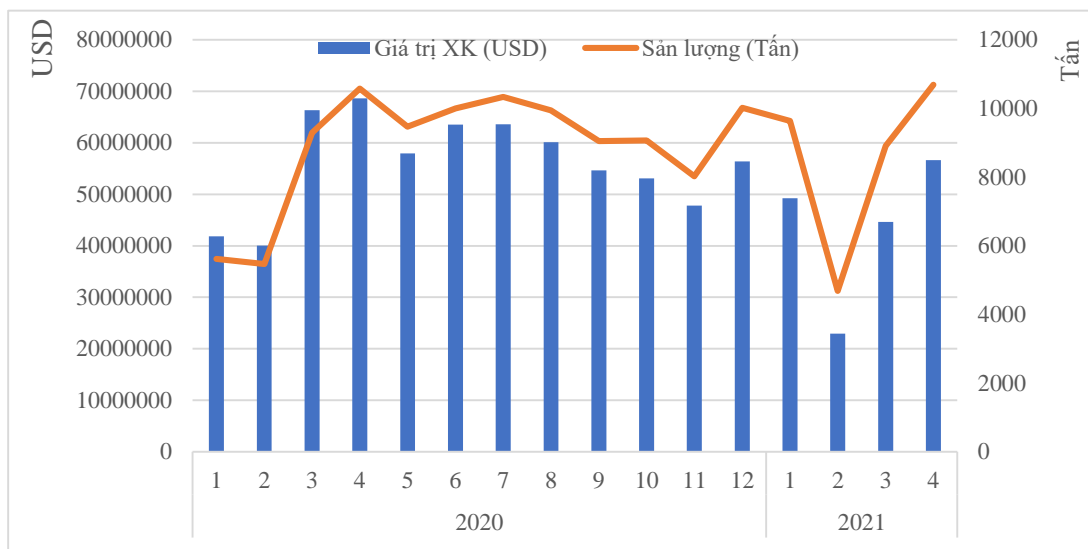
ty CP Thương mại – Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Trân Châu, chiếm lần lượt là 13,22% và 13,07% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, tăng lần lượt là 215,2% và 73,6% so với cùng kỳ năm trước.

5. HẠT ĐIỀU

Giá hạt điều trên thị trường quốc tế tiếp tục tăng. Đặc biệt, giá hạt điều chủng loại WW320 tăng mạnh, đôi khi đạt mức tương đương với loại WW240 do nhu cầu cao trong khi nguồn cung thấp. Giá hạt điều thô tăng khiến giá hạt điều nhân cũng tăng. Ngoài ra, khó khăn trong hoạt động logistic như thiếu container, giá vận chuyển tăng cũng có tác động đến giá hạt điều. - Bờ Biển Ngà: Xuất khẩu hạt điều thô của Bờ Biển Ngà trong tháng 4/2021 đạt 132 nghìn tấn, tăng mạnh so với mức 77 nghìn tấn năm 2020, nhưng vẫn thấp hơn so với mức 145 nghìn tấn của năm 2019. Xuất khẩu hạt điều nhân tháng 4/2021 đạt 2.300 tấn nhân ổn định so với cùng kỳ năm 2020, đưa Bờ Biển Ngà vượt Bra-xin trở thành nước xuất khẩu hạt điều nhân điều lớn thứ ba trên thế giới. Nguồn dự trữ hạt điều thô từ các nhà sản xuất tại Bờ Biển Ngà đầu tháng 5/2021 giảm. Sản lượng và chất lượng hạt điều vụ thu hoạch thứ hai tại Bờ Biển Ngà ở mức thấp. Sản lượng hạt điều của Bờ Biển Ngà có khả năng giảm xuống dưới 800 nghìn tấn.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2020, Việt Nam xuất khẩu được 10,69 nghìn tấn điều, trị giá 56,64 triệu USD sang thị trường EU, giảm 84,4% về khối lượng và 17,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính hết 4 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 173,41 triệu USD, tương ứng với 33,92 ngàn tấn, giảm 20% về giá trị và 84,4% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

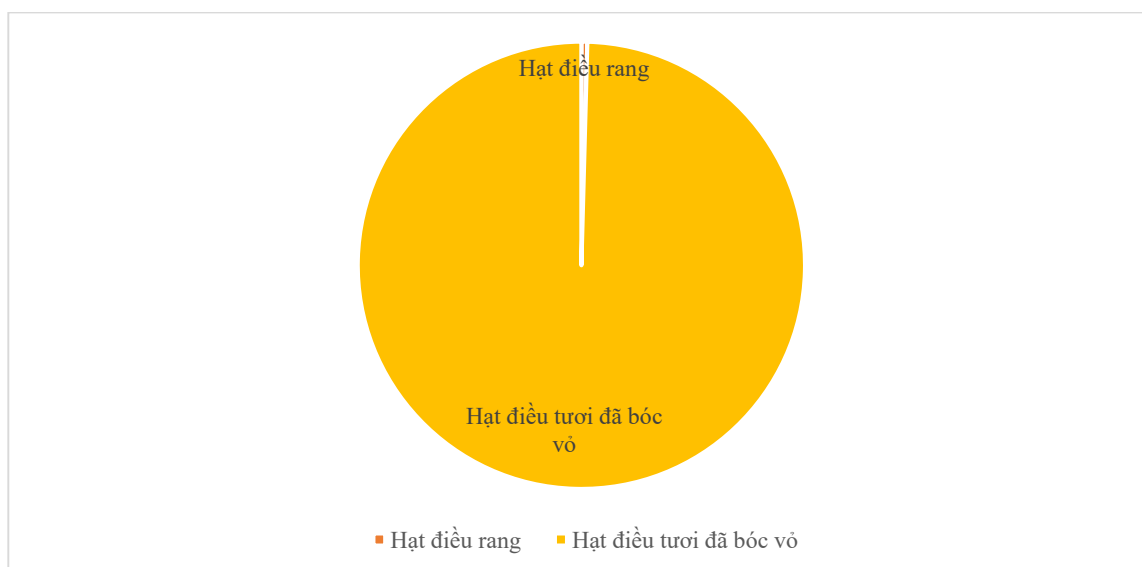
Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

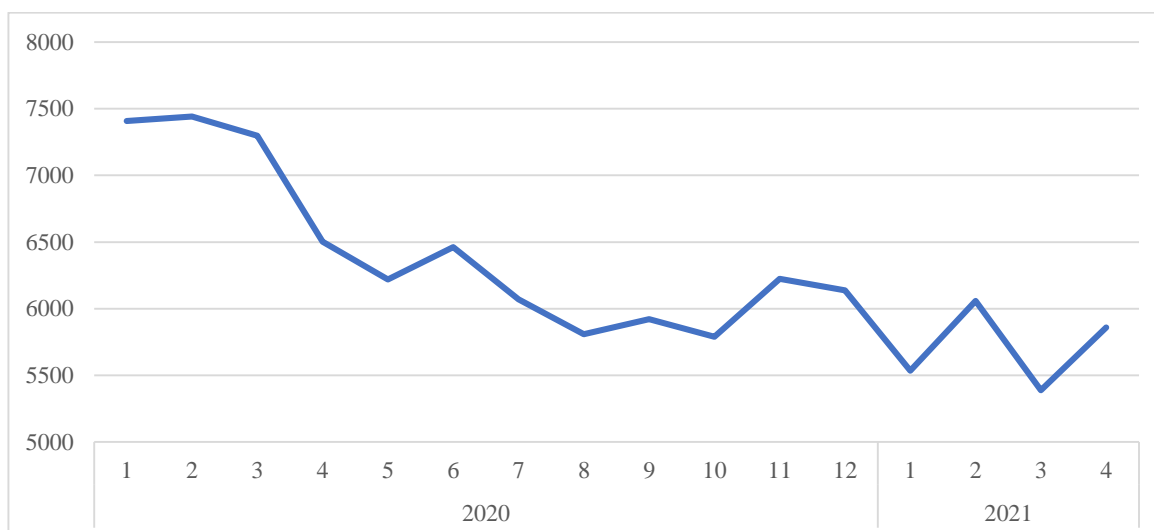
Xuất khẩu điều sang thị trường này tháng 3/2021 chủ yếu là điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ lệ lên tới 99,57%, đạt 65,44 triệu USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 13,7% so với tháng 3/2021. Hạt điều rang xuất khẩu sang thị trường này chiếm giá trị rất nhỏ chỉ chiếm 0.42% tổng giá trị, đạt 0,28 triệu USD, giảm 34,4% so với tháng 4/2020 nhưng tăng tới 56% so với tháng trước.

Hình 15: Tỷ lệ điều xuất khẩu sang thị trường EU tháng 4/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều sang thị trường EU có xu hướng tăng nhẹ trở lại so với tháng trước. Cụ thể, giá điều trung bình xuất khẩu sang thị trường này đạt 5,86 nghìn USD, tăng 8,7% so với tháng 3/2021, và nhưng giảm 9,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 4/2021 đạt trung bình là 6,11 USD/kg tăng 3,4% so với tháng trước nhưng giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Tương tự đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 11,42 USD/kg tăng lần lượt là 0,8% và 7,6% so với tháng trước và cùng kỳ năm trước

Tháng 4/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH Điều INTERSNACK Việt Nam chiếm 8,18%; Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Lộc Việt Cường chiếm 4,28%; Công ty TNHH OLam Việt Nam chiếm 3,12%.

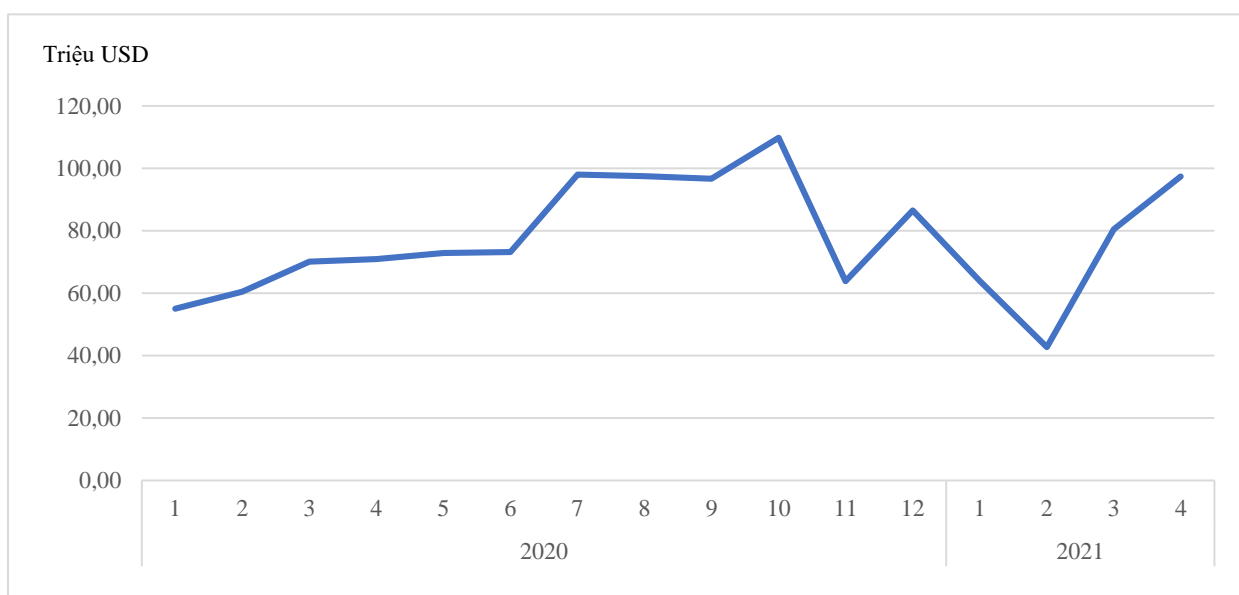
6. THỦY SẢN

Theo Bộ nông nghiệp, chăn nuôi và đánh cá Ăc-hen-ti-na, sản lượng đánh bắt tôm đỏ của nước này tháng 4/2021 giảm 53% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 4.355 tấn. Nửa đầu tháng 5/2021, sản lượng tôm đỏ đánh bắt của Ăc-hen-ti-na đạt 2.306 tấn, bằng 54% tổng sản lượng trong tháng 5/2020. - EU: Theo thống kê từ Cơ quan quan sát thị trường sản phẩm nghề cá và nuôi trồng thủy sản châu Âu, quý I/2021, nhập khẩu cá ngừ vằn chế biến (ngâm trong dầu thực vật, nguyên con hoặc xắt miếng) của EU từ thị trường Ê-cu-a-đo đạt 7.455 tấn, trị giá 27,1 triệu Euro (tương đương 32,9 triệu USD), giảm 44% về lượng và giảm 45% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu tôm đông lạnh của EU từ Ê-cu-a-đo trong quý I/2021 đạt 26.948 tấn, trị giá 131,6 triệu Euro (tương đương 159,6 triệu USD), giảm 5% về lượng và giảm 21% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Các nhà xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo hy vọng rằng việc EU mở cửa trở lại sau khi các nước thành viên trong khu vực áp dụng các

biện pháp nghiêm ngặt để ngăn chặn đà lây lan của Covid-19, sẽ giúp nhu cầu từ lĩnh vực dịch vụ thực phẩm của khu vực tăng trở lại. Tuy nhiên, việc giá tôm nguyên liệu vụ mới tại Ê-cu-a-đo ở mức cao sẽ phần nào tác động đến nhu cầu tôm của khu vực EU ở nước này. Theo một khách hàng ở châu Âu, khách hàng ở các nhà hàng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đang quan tâm đến tôm lột vỏ từ Ê-cu-a-đo hơn là tôm nguyên con. Tôm thẻ chân trắng sẽ có lợi thế trên thị trường hơn do giá tôm đỏ Ác-hen-ti-na ở mức cao khi tồn kho thấp.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 4/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 97,40 triệu USD, tăng 37,4% so cùng kỳ năm 2020, và 21,1% so với tháng 3/2021. Bên cạnh thị trường Hoa Kỳ, thị trường EU cũng là thị trường có giá trị xuất khẩu tăng trưởng ổn định của thủy sản Việt Nam trong những tháng gần đây. Tôm và cá ngừ là hai mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 2/2021. Cụ thể, tôm chiếm 51,3%, cá ngừ chiếm 19%, tiếp đến là da trơn chiếm 10,2%.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU

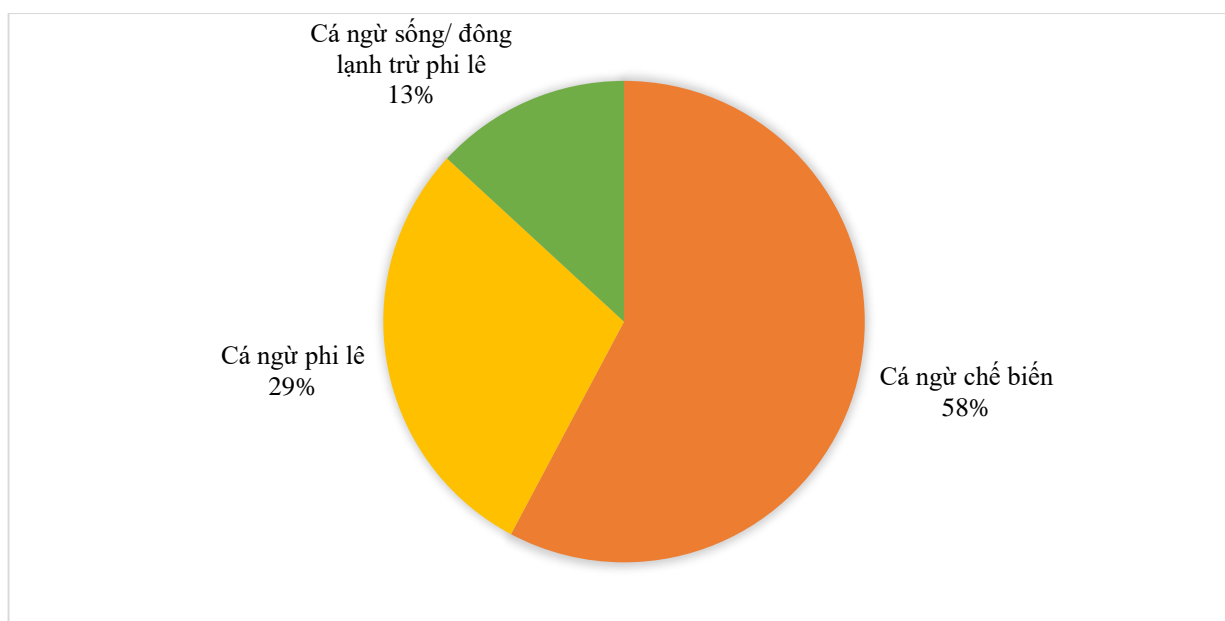


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm đạt 49,96 triệu USD, tăng 46,1% so với cùng kỳ năm 2020, và 15,8% so với tháng trước, đưa tổng giá trị xuất khẩu. Tôm xuất khẩu sang thị trường này khá đa dạng về chủng loại. Cụ thể, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 20,29 triệu USD, chiếm 40,6% trong tổng giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này, và tăng 37,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm các loại chế biến đạt 21,05 triệu USD, chiếm 42,1%, tăng 66,2%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 7,70 triệu USD, chiếm 15,4%, tăng 28%; tôm các loại sống/đông lạnh khác đạt 0,91 triệu USD, chiếm 1,8%, tăng 16,4%.

Mặt hàng cá ngừ, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này trong tháng 4/2021 đạt 18,05 triệu USD, chiếm 19% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang Châu Âu, tăng 45,9% so với cùng kỳ năm 2020, và 53,8% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 5,38 triệu USD, chiếm 29,1% tổng giá trị cá ngừ xuất khẩu vào thị trường này, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ chế biến đạt 10,69 triệu USD, chiếm 57,8%, tăng 148,9%; giá trị xuất khẩu cá ngừ sống/ đông lạnh trừ phi lê đạt 2,43 triệu USD, chiếm 13,1%, giảm 33,9%.

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường EU tháng 4/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này tháng 4/2021 là cá tra (100%) với giá trị xuất khẩu đạt 9,98 triệu USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm trước và tăng 15,3% so với tháng 2/2021. Trong đó, cá tra phi lê là sản phẩm chủ yếu chiếm 89,5% tổng giá trị cá tra xuất khẩu, đạt 8,93 triệu USD và giảm 19,2% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 10,4%, đạt 1,04 triệu USD và tăng 110,4% so với tháng 4/2020, và 68,4% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 4/2021 như sau: Cua và gẹ đạt 0,03 triệu USD, giảm 98%; Mực và bạch tuộc đạt 4,19 triệu USD, tăng 121,1%; Cá rô phi đạt 0,60 triệu USD, tăng 55,9%; Các loại thủy sản khác đạt 14,14 triệu USD, tăng 59,8% so với cùng kỳ 2020.

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 4/2021 như sau: Tôm đạt 9,48 USD/kg, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2020, và tăng 7,5% so với tháng trước; Cá da trơn đạt 2,15 USD/kg, giảm 12,8% so với tháng 3/2020 và tăng 1,3% so với tháng trước; Cá ngừ đạt 8,13 USD/kg, tăng 1% so với tháng 3/2020 và 20,2% so với tháng trước.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 4/2021

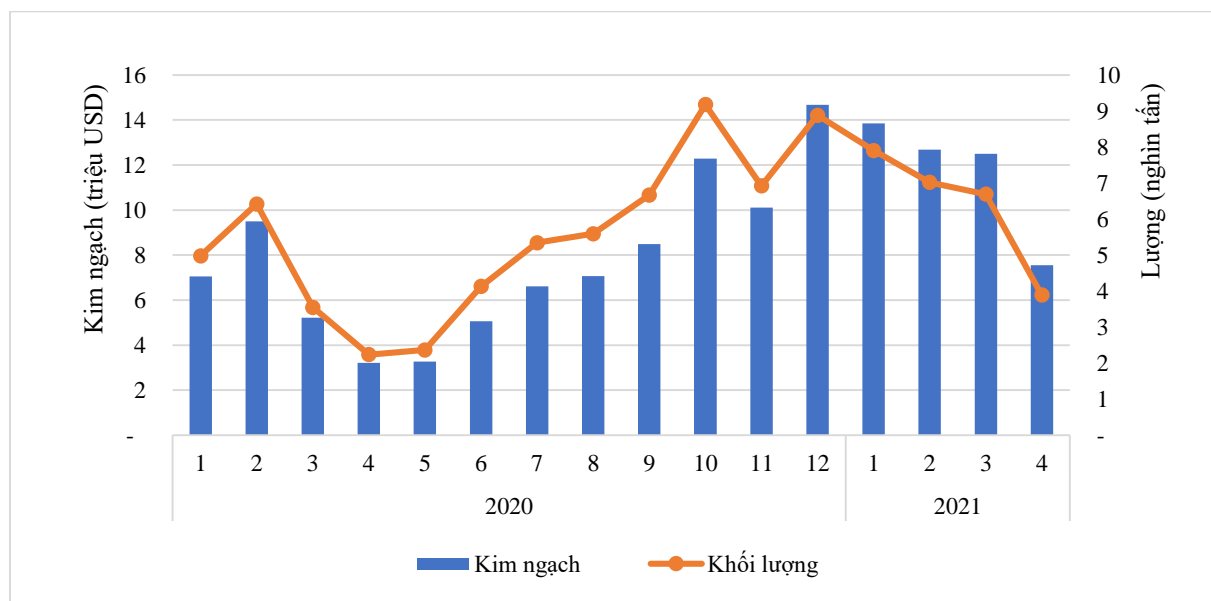
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,15	-12,8%	1,3%
2	Cá ngừ	7,33	16,1%	-9,9%
3	Cá rô phi	2,48	27,3%	21,1%
4	Mực và bạch tuộc	6,14	-8,9%	-3,5%
5	Tôm	9,48	-0,9%	7,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 3 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú chiếm 7,32% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản và thương mại Thuận Phát chiếm 4,8%; Công ty cổ phần thủy sản Bình Định chiếm 3,6%.

7. CAO SU

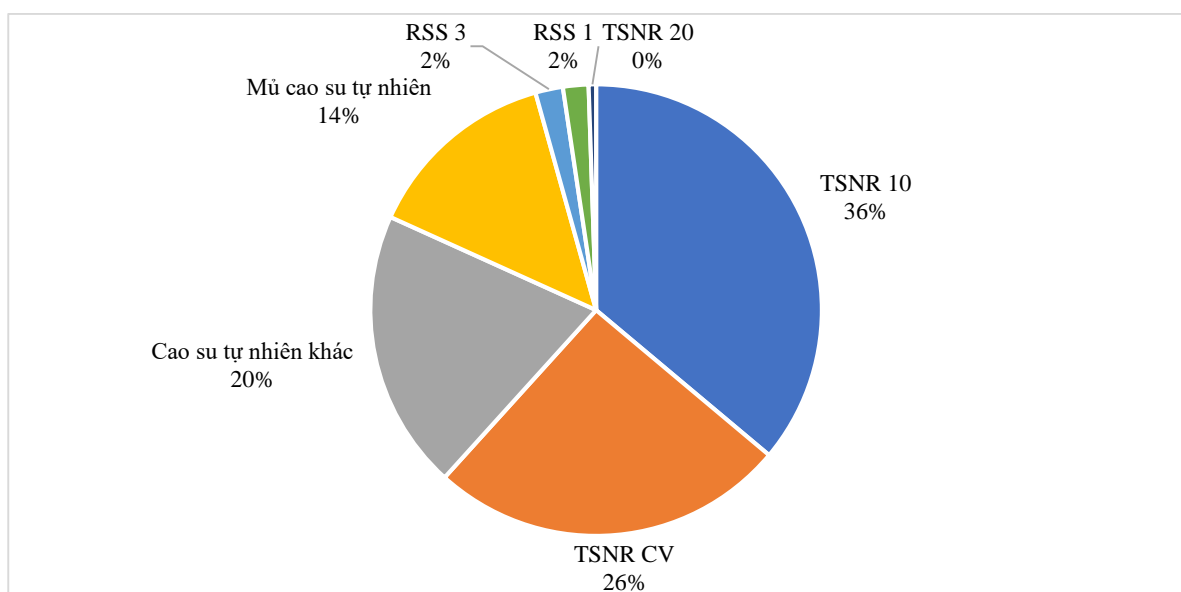
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 3,9 nghìn tấn với trị giá 7,6 triệu USD, giảm 41,8% về khối lượng và 39,5% về giá trị so với tháng trước, tuy nhiên tăng 74,1% về khối lượng và 134,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 19: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 4,8 triệu USD, chiếm 36,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 3,4 triệu USD, chiếm 25,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là mủ cao su tự nhiên và RSS 3, chiếm lần lượt 13,9% và 2,0% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

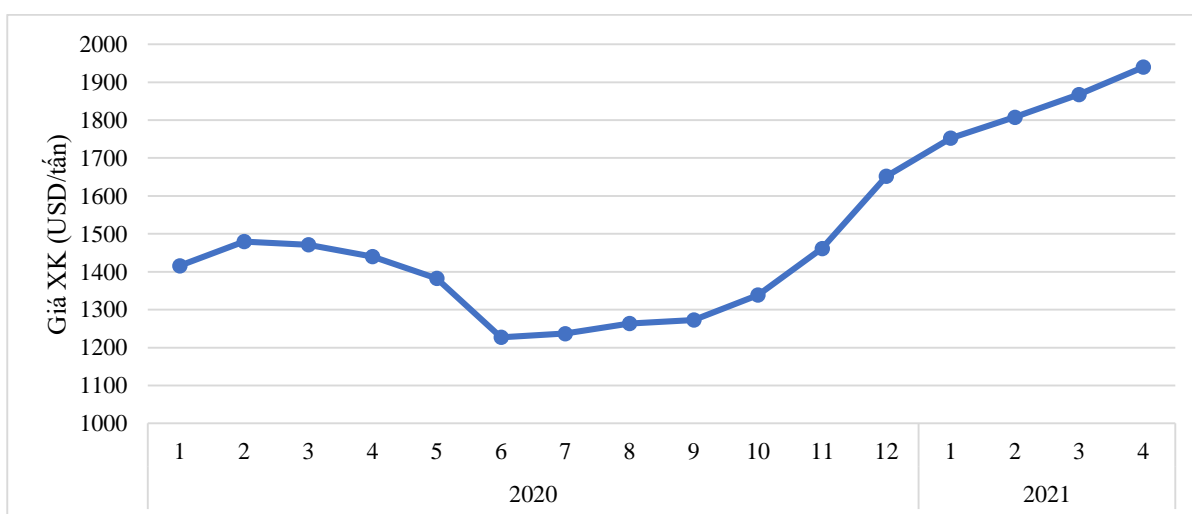
Hình 20: Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 4/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU tiếp tục tăng vào thời điểm đầu năm đạt mức 1.940 USD/tấn trong tháng 04/2021 tăng 3,9% so với tháng trước và 34,7% so với cùng kỳ 2020.

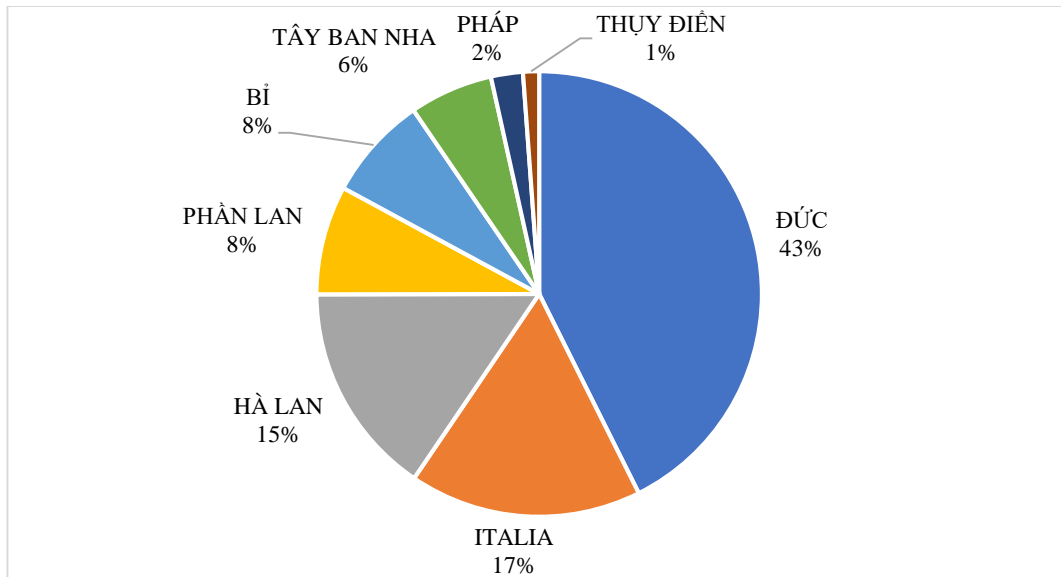
Hình 21: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 3,2 triệu USD, chiếm 42,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Italia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 1,3 triệu USD, chiếm 16,9%. Tiếp theo là Hà Lan, Phần Lan và Bỉ chiếm lần lượt 15,5%, 7,9% và 7,6% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 22: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

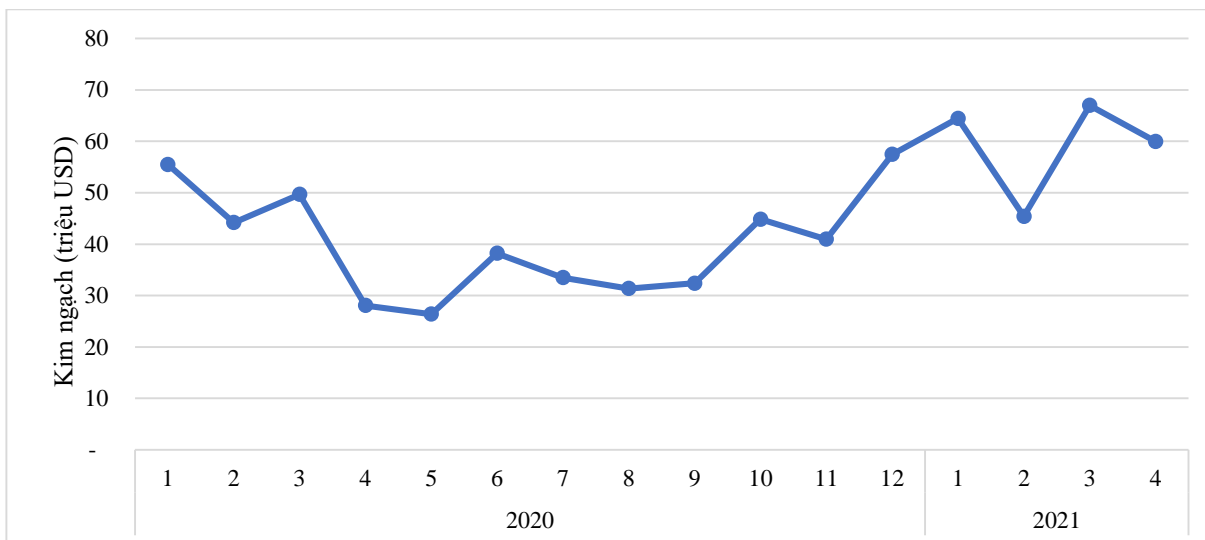
Trong tháng 04/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường EU là Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai, Công ty CP Cao su Tân Biên và Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 21,1%, 9,3% và 8,7% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 04/2021.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Nhập khẩu gỗ và đồ gỗ nội ngoại thất của Anh đạt giá trị 290 triệu USD trong quý I/2021, tăng 2% so với quý IV/2020 và tăng 6% so với cùng kỳ quý I/2020. Tăng trưởng nhập khẩu là do nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh tại quốc gia này, được hỗ trợ bởi các chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế cùng với sự đình trệ của các đơn hàng ở thời điểm cuối năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 60,0 triệu USD, giảm 10,5% so với tháng trước, nhưng tăng 113,8% so với cùng kỳ 2020.

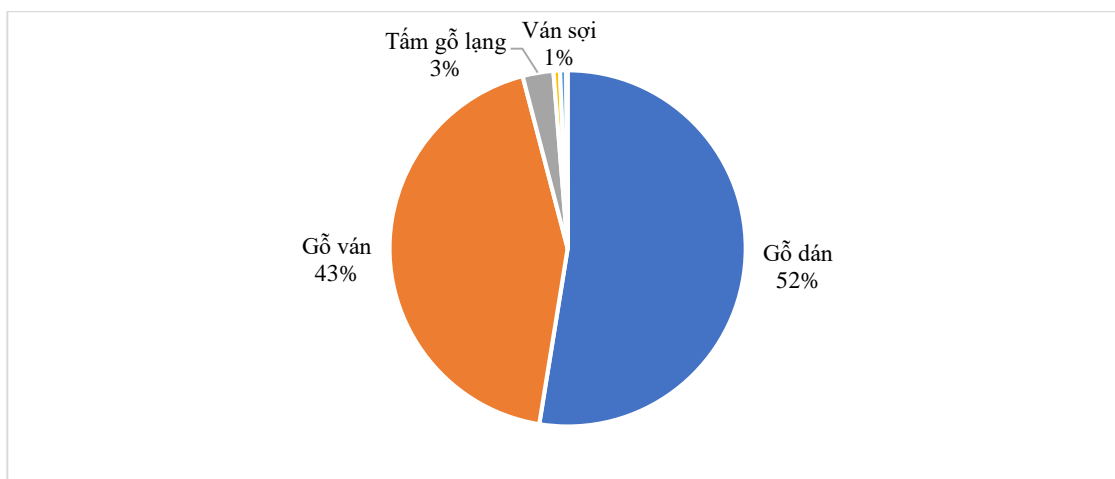
Hình 23: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 04/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 450,1 nghìn USD, chiếm 52,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ ván với kim ngạch 371,6 nghìn USD, chiếm 43,4% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU trong tháng 04/2021.

Hình 24: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 4/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường EU là Công ty TNHH VinaWood, Công ty TNHH Xuất khẩu Thiên Đức Phát và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Nam Phát. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 43,4%, 33,9% và 11,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường EU trong tháng 04/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Việc xuất khẩu gạo trong các tháng đầu năm 2021 tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2020 đã cho thấy tác động tích cực của Hiệp định EVFTA. Trong các loại gạo, gạo thơm chiếm tỷ trọng cao nhất trong kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU. Dự báo trong thời gian tới, gạo thơm vẫn sẽ chiếm ưu thế trong hoạt động thương mại gạo với thị trường này.

2. Cà phê

Theo dự báo của USDA ra vào tháng 12/2020, tiêu thụ nội địa khu vực EU niên vụ 2020/2021 là 45.800 nghìn bao, tăng 0,7% so với niên vụ 2019/2020. Nhập khẩu EU dự báo khoảng 49.000 nghìn bao, tăng 3,92% so với niên vụ 2019/2020. Trong ngắn hạn, thị trường cà phê vẫn kỳ vọng vào giá cà phê Robusta London khi nhu cầu nguyên liệu cho nền công nghiệp sản xuất cà phê hòa tan ngày càng nhiều. Tuy nhiên xu hướng tiêu dùng này hiện chỉ đem lại cho số ít doanh nghiệp Việt Nam có xuất khẩu cà phê chế biến sâu, khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam tại các thị trường nội khối liên minh châu Âu nói chung trong năm 2021 sẽ thấp hơn so với các đối thủ khác như Brazil. Sự thiếu hụt về chỗ cực kỳ nghiêm trọng và tình trạng thiếu thiết bị container trên toàn bộ tuyến vận chuyển Á-Âu sẽ tiếp tục diễn ra vào tháng 6. Chi phí vận chuyển tăng cao là một trở ngại lớn đối với xuất khẩu.

3. Thủy sản

Sau nhiều tháng chống chọi với đại dịch COVID-19, kinh tế các nước châu Âu dần hồi phục, nhu cầu tiêu thụ thủy sản tăng cao. Cục Xuất nhập khẩu dự báo xuất khẩu thủy sản sẽ có bước tăng trưởng ấn tượng ở các thị trường này. Mặc dù sự hồi phục kinh tế của khối thị trường này chậm hơn so với Mỹ, nhưng nhu cầu tiêu thụ đang hồi phục rõ rệt khi dịch Covid đang được khống chế dần dần tại EU. Các nhà nhập khẩu châu Âu có xu hướng quan tâm hơn đến các nhà cung cấp thủy sản Việt Nam với lợi thế thuế quan từ hiệp định EVFTA và nguồn nguyên liệu ổn định. Dự báo xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU tháng 5 tiếp tục tăng 30% đạt gần 95 triệu USD. Tuy nhiên, khi dịch COVID-19 dần được kiểm soát, cơ cấu sản phẩm tiêu dùng sẽ có những thay đổi nhất định. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản cần chủ động liên hệ với đối tác và xây dựng phương án để bắt kịp xu hướng thay đổi của thị trường trong thời gian tới.

4. Hồ tiêu

EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của hồ tiêu Việt Nam, chiếm 19,81% tổng khối lượng xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong tháng 4/2021 và chiếm 20,70% về kim ngạch, chỉ đứng sau Hoa Kỳ. Tuy sản phẩm tiêu của Việt Nam mới chỉ tiếp cận được 8/27 quốc gia của khối EU song những tăng trưởng mạnh và liên tục về khối lượng xuất khẩu và kim ngạch kể từ tháng 2/2021 tới nay (tăng trưởng trung bình 64,4% về khối lượng và 74,31% về kim ngạch) là những tín hiệu rất mừng cho ngành hồ tiêu Việt Nam nói riêng và ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục diễn ra tại các quốc gia này. Với những phục hồi như vậy, khối lượng và kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam vào EU được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những tháng tiếp theo.

5. Cao su

Triển vọng xuất khẩu cao su trong thời gian tới sang các quốc gia EU sẽ vẫn khả quan khi nhu cầu dự báo sẽ tiếp tục tăng, trong khi nguồn cung chưa thể sớm hồi phục.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 4/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 4/2021 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	85.837.042	-16,7%	-29,7%	22.6%
2	Cao su	7.550.628	-39,5%	134,5%	2.0%
3	Chè	79.700	-68,1%	55,3%	0.02%
4	Gạo	3.773.938	-16,7%	264,7%	1.0%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	59.968.650	-10,5%	113,8%	15.8%
6	Hàng rau quả	17.516.343	2,5%	0,2%	4.6%
7	Hàng thủy sản	97.397.768	21,1%	37,4%	25.6%
8	Hạt điều	56.637.944	26,9%	-17,5%	14.9%
9	Hạt tiêu	16.139.620	73,0%	85,5%	4.2%
10	Sản phẩm mây. tre. cói và thảm	19.295.401	10,5%	212,2%	5.1%
11	Sản phẩm từ cao su	16.237.848	-15,7%	55,7%	4.3%
Tổng 11 mặt hàng chính		380.434.882	-1,3%	11,5%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 4/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 4/2020		Tháng 4/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	1.572	844.197	5.277	3.475.848	235,7%	311,7%
2	Gạo trắng	105	47.845	169	115.860	61,2%	142,2%
3	Các loại gạo khác	292	142.705	225	182.231	-23,1%	27,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 4/2020	Tháng 4/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T4.2021/T4.2020
	Tổng giá trị XK	17.475.838	17.516.343	0,2%
1	Chanh	5.273.396	6.004.579	13,9%
2	Xoài	1.442.634	2.902.709	101,2%
3	Thanh long	833.832	1.593.938	91,2%
4	Dừa	683.229	1.583.169	131,7%
5	Dứa	938.884	1.016.654	8,3%
6	Khác	8.303.863	4.415.294	-46,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 4/2021

Loại sản phẩm	Tháng 4/2020 (tr. USD)	Tháng 4/2021 (tr. USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	9.983.163,37	11.557.801,67	-13,6%
Cá nù	18.499.864,24	12.677.392,28	45,9%
Cá rô phi	595.309,97	381.862,55	55,9%
Cua, ghe	26.220,00	1.343.012,97	-98,0%
Mực và bạch tuộc	4.191.572,53	1.887.417,98	122,1%
Tôm	49.957.834,90	34.195.865,54	46,1%
Thủy sản khác	14.143.802,73	8.850.640,15	59,8%
Tổng	97.397.767,75	70.893.993,15	37,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 4/2020

Mặt hàng	4/2020	4/2021	So sánh T4/2020 và T4/2021
Chưa rang chưa khử cafein	114.693.758	76.607.545	-33,21%
Đã rang chưa khử cafein	49.793	111.749	124,43%
Đã rang đã khử cafein	137.403	54.414	-60,40%
Khác (vỏ, chất thay thế chứa cà phê)	1.016	-	-100,00%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	17.364	134.767	676,15%
Tổng	122.049.929	85.837.042	-29,67%

Nguồn: Tổng cục Hải quan